

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2020/DS-PT

Ngày: 11/5/2020

V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc
chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Út**

Các Thẩm phán: Bà **Bùi Thị Kim Dung**

Ông **Nguyễn Tiến Dũng**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà **Trần Đoàn Bích Trâm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 639/DSPT ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 403/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2079/2020/QĐPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1973

Địa chỉ: 361/39/10 Đường C, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Đặng Hữu X**, sinh năm 1974; địa chỉ: 27 Đường A, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2285 ngày 26/7/2018 lập tại Văn phòng công chứng NMH, Thành phố Hồ Chí Minh). *(có mặt)*

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Minh Y**, sinh năm 1973

Địa chỉ: 158/3/8 Đường T, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1987; địa chỉ liên lạc: 20A Đường H, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1008 ngày 02/3/2020 lập tại Văn phòng công chứng QT, Thành phố Hồ Chí Minh). *(có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Nguyễn Ngọc L** – VPLS NL, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 20A Đường H, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Huỳnh Thị Ngọc T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: 854-856 Đường Q, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1987; địa chỉ liên lạc: 20A Đường H, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 01/7/2019). *(có mặt)*

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị O là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị O ủy quyền cho ông Đặng Hữu X trình bày:**

Ngày 23/3/2018 bà Nguyễn Thị O có ký Hợp đồng đặt cọc với ông Nguyễn Minh Y về việc bà O nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2.741,5 m² (đất trồng cây công nghiệp lâu năm, trong đó có 133 m² đất thổ cư), thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp K, xã D, huyện Q, tỉnh G, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 278089 (số vào sổ H01056) vào ngày 25/02/2008, cập nhật đăng bộ việc chuyển nhượng vào ngày 29/02/2018 cho ông Nguyễn Vương B. Số tiền chuyển nhượng là 8.224.500.000 đồng và bà O đã đặt cọc trước 2.000.000.000 đồng theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 23/3/2018 của Sacombank.

Giữa hai bên có lập 01 Hợp đồng đặt cọc ngày 23/3/2018 và 01 tờ Ý kiến chung giao dịch sang nhượng ngày 23/03/2018 (các bản chính bà O đã làm thất lạc chỉ còn bản photo tờ Ý kiến chung giao dịch sang nhượng ngày 23/03/2018).

Khi ký thỏa thuận chuyển nhượng đất thì ông Y đang làm thủ tục sang tên, chưa được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hợp đồng đặt cọc có nêu thời hạn để làm thủ tục sang tên nhưng Hợp đồng đã thất lạc nên không có cơ sở để trình bày chỉ có cơ sở xác định sau khi ông Y được cấp giấy thì ông Y có nghĩa vụ sang tên cho bà O.

Do chờ đợi quá lâu, không thấy bên chuyển nhượng yêu cầu tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên bà O làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc và được nhận lại số tiền đã đặt cọc là 2.000.000.000 đồng, với lý do:

Khi ký hợp đồng đặt cọc thì ông Nguyễn Minh Y chưa đứng tên phần đất chuyển nhượng.

Tài sản chuyển nhượng là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Minh Y, nhưng chỉ có ông Y ký Hợp đồng đặt cọc là không đúng.

Sau khi ông Y được cấp giấy chứng nhận thì không chịu làm thủ tục sang tên cho bà O.

Trước đây bà O có nêu lý do là Hợp đồng đặt cọc chỉ nói chuyển nhượng 133 m² đất thổ cư, không phải chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do Hợp đồng đặt cọc đã bị thất lạc, không có cơ sở chứng minh lý do này nên bà O không đề cập lý do này nữa.

Việc phía bị đơn cung cấp các Phiếu báo phát ngày 05/7/2018 người nhận tên T1 và ngày 04/8/2018 người nhận là Chang Phối L1. Đối với người tên T1 thì bà O không biết là ai và không nhận được thông báo của ông Y, còn Chang Phối L là con của bà O, khi nhận xong thì con bà đã quên đưa cho bà và con bà đã đi du học từ tháng 9/2018.

Đối với Thông báo ngày 31/7/2018 của Công ty Luật TNHH NN và Cộng sự thì phía nguyên đơn không nhận được. Mà có nhận được thì nguyên đơn không có nghĩa vụ trao đổi với Công ty luật này vì không có chứng từ chứng minh có sự ủy quyền của ông Y cho Công ty luật này.

*** Bị đơn - ông Nguyễn Minh Y ủy quyền cho ông Phan Văn G đại diện trình bày:**

Thừa nhận vào ngày 23/3/2018 ông Nguyễn Minh Y có đồng ý chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị O 2.741,5 m² đất tại ấp Khu Thượng, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, ông Y đã nhận được tiền cọc 2.000.000.000 đồng. Hai bên có lập 01 Hợp đồng đặt cọc và 01 tờ giấy ghi Ý kiến chung giao dịch sang nhượng. Cả 02 bản chính là do bà O giữ, ông Y không có giữ gì cả. Sau này khi bà O khởi kiện thì ông Y mới có photo tờ Ý kiến chung giao dịch sang nhượng ngày 23/03/2018. Do phía nguyên đơn không cung cấp bản chính tờ Ý kiến chung giao dịch dân sự ngày 23/03/2018 nên ông không xác nhận nội dung được nêu trong tờ Ý kiến chung giao dịch sang nhượng ngày 23/03/2018.

Ngày 14/6/2018, ông Y được cập nhật là chủ sử dụng đất, ông Y đã nhiều lần yêu cầu bà O tiếp tục thực hiện hợp đồng như gọi điện thoại, gửi văn bản bằng đường bưu điện cho bà O, cụ thể là ngày 05/7/2018 người nhận là T1 và

ngày 04/8/2018 người nhận là Chang Phôi L. Còn việc gọi điện thoại cho phía bà O thì phía nguyên đơn khởi kiện phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, ông Y không cung cấp.

Nay phía bị đơn vẫn đề nghị bà O tiếp tục thực hiện hợp đồng là chuyển nhượng toàn bộ diện tích 2.741,5 m² đất tại ấp Khu Thượng, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với giá 8.224.500.000 đồng, đã nhận cọc trước 2.000.000.000 đồng. Nếu bà O đồng ý tiếp tục ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông Y sẽ ra Phòng Công chứng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngay.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Huỳnh Thị Ngọc T ủy quyền cho ông Phan Văn G đại diện trình bày:**

Bà T xác định tài sản ông Nguyễn Minh Y chuyển nhượng là tài sản chung của vợ chồng. Bà đồng ý với ý kiến của ông Y là đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 403/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Tuyên bố Hủy bỏ Hợp đồng đặt cọc ngày 23/3/2018 và Tờ Ý kiến chung giao dịch sang nhượng ngày 23/03/2018 về việc bà Nguyễn Thị O nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Minh Y quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2.741,5 m² (đất trồng cây công nghiệp lâu năm, trong đó có 133 m² đất thổ cư), thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp K, xã D, huyện Q, tỉnh G, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 278089 (số vào sổ H01056) vào ngày 25/02/2008, cập nhật đăng bộ việc chuyển nhượng vào ngày 29/02/2018 cho ông Nguyễn Vương B, cập nhật đăng bộ việc chuyển nhượng vào ngày 14/6/2018 cho ông Nguyễn Minh Y.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị O về việc buộc ông Nguyễn Minh Y trả lại số tiền đặt cọc 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị O nộp 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng theo Biên lai

thu số 18077 ngày 26/7/2018. Bà O còn phải nộp thêm số tiền 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng.

Ông Nguyễn Minh Y nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/11/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị O kháng cáo bản án sơ thẩm

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị O ủy quyền cho ông Đặng Hữu X đại diện trình bày:

Bà O không đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận T, yêu cầu ông Nguyễn Minh Y phải trả lại số tiền đặt cọc 2.000.000.000 đồng cho bà O. Trước đây tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà O có trình bày bản chính Hợp đồng đặt cọc ngày 23/3/2018 và Tờ Ý kiến chung giao dịch sang nhượng ngày 23/03/2018 đã bị thất lạc, nay tìm lại được xin cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm.

- Bị đơn - ông Nguyễn Minh Y ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc H làm đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Nguyễn Ngọc L trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận việc nguyên đơn giao nộp chứng cứ theo như quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Phía bị đơn cung cấp các tin nhắn giữa bà O và ông Y tại thời điểm ông Y yêu cầu bà O ra công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng để chứng minh ông Y đã thông báo cho bà O tiếp tục thực hiện hợp đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Huỳnh Thị Ngọc T ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc H làm đại diện trình bày:

Bà T thống nhất với toàn bộ ý kiến của bị đơn và Luật sư Nguyễn Ngọc L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị O, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 403/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét; Tại phiên tòa phúc thẩm: Phía nguyên đơn cung cấp bản chính Hợp đồng đặt cọc ngày 23/3/2018 và Tờ Ý kiến chung giao dịch sang nhượng ngày 23/03/2018 với lý do trước đây tại tòa sơ thẩm nguyên đơn đã trình bày thất lạc bản chính Hợp đồng đặt cọc ngày 23/3/2018 và Tờ Ý kiến chung, nay mới tìm lại được nên cung cấp cho tòa. Phía bị đơn cung cấp vi bằng các tin nhắn trao đổi giữa bà O và ông Trí tại thời điểm ông Y yêu cầu bà O ra công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận việc nguyên đơn giao nộp chứng cứ tại Tòa án cấp phúc thẩm. Tuy nhiên yêu cầu này là không có cơ sở, bởi lẽ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là trường hợp có lý do chính đáng.

Xét; Theo hợp đồng đặt cọc ngày 23/3/2018 và Tờ Ý kiến chung giao dịch sang nhượng ngày 23/03/2018 thì bà Nguyễn Thị O có ký Hợp đồng đặt cọc với ông Nguyễn Y về việc bà O nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2.741,5 m² (đất trồng cây công nghiệp lâu năm, trong đó có 133 m² đất thổ cư), thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp K, xã D, huyện Q, tỉnh G, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 278089 (số vào sổ H01056) vào ngày 25/02/2008, cập nhật đăng bộ việc chuyển nhượng vào ngày 29/02/2018 cho ông Nguyễn Vương B. Số tiền chuyển nhượng là 8.224.500.000 đồng và bà O đã đặt cọc trước 2.000.000.000 đồng theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 23/3/2018 của Sacombank.

Theo lời khai phía đại diện nguyên đơn thì bà O không đồng ý mua phần đất trên vì lý do thời gian ông Y làm thủ tục để được đứng tên quá lâu (từ ngày 23/3/2018 đến 14/6/2018) gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà O. Ngày 14/6/2018 ông Y được cập nhật là chủ sử dụng đất, ông đã nhiều lần yêu cầu bà O tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng bà O không đồng ý. Ngoài ra phía bị đơn cung cấp các tin nhắn giữa bà O và ông Y tại thời điểm ông Y yêu cầu bà O ra công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng nhưng phía nguyên đơn phủ nhận các tin nhắn trên và yêu cầu ông Y trả lại tiền cọc vì quá thời hạn ký hợp đồng chuyển nhượng. Theo bà O cho rằng kể từ ngày nhận cọc đến ngày ra công chứng để ký hợp đồng chuyển nhượng là 30 ngày.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà O đã từ chối thực hiện giao kết mà hai bên thỏa thuận khi đặt cọc. Vì vậy cấp sơ thẩm tuyên Hủy bỏ Hợp đồng đặt cọc ngày 23/3/2018 và Tờ Ý kiến chung giao dịch sang nhượng ngày 23/03/2018 về việc bà Nguyễn Thị O nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Minh Y quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2.741,5 m² (đất trồng cây công nghiệp lâu năm, trong đó có 133 m² đất thổ cư), thuộc thửa đất số 125,

tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp K, xã D, huyện Q, tỉnh G, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 278089 (số vào sổ H01056) vào ngày 25/02/2008, cập nhật đăng bộ việc chuyển nhượng vào ngày 29/02/2018 cho ông Nguyễn Vương B, cập nhật đăng bộ việc chuyển nhượng vào ngày 14/6/2018 cho ông Nguyễn Minh Y là có cơ sở.

Tuy nhiên, việc bà O yêu cầu ông Y trả lại số tiền đặt cọc 2.000.000.000đồng cho bà O, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 2 của Hợp đồng đặt cọc ghi “Đợt 2: Ngày ...Tháng ...Năm Bên B thanh toán tiếp số tiền còn lại ngay khi hai bên ký hợp đồng công chứng tại phòng công chứng”. Như vậy tại hợp đồng không quy định về thời hạn ra phòng công chứng. Đồng thời các bên cũng không thỏa thuận cụ thể về thời hạn ra công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng, đây là lỗi các bên. Như vậy giao dịch đặt cọc giữa bà O và ông Y cả hai bên đều có lỗi, việc án sơ thẩm buộc bà O mất cọc là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện cũng như một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Minh Y phải trả cho bà Nguyễn Thị O $\frac{1}{2}$ số tiền đặt cọc là 1.000.000.000đồng.

Do sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử sẽ xác định lại nghĩa vụ nộp tiền án phí sơ thẩm và người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017; Do Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà O số tiền 1.000.000.000đồng nên bà O phải chịu là 42.000.000.000đồng. Bà O đã nộp 36.000.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 18077 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O còn phải nộp thêm 6.000.000đồng.

Ông Nguyễn Minh Y phải chịu án phí sơ thẩm là 42.000.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 328, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

- Điều 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị O.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 403/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O.

- Tuyên bố Hủy bỏ Hợp đồng đặt cọc ngày 23/3/2018 và Tờ Ý kiến chung giao dịch sang nhượng ngày 23/03/2018 về việc bà Nguyễn Thị O nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Minh Y quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2.741,5m² (đất trồng cây công nghiệp lâu năm, trong đó có 133m² đất thổ cư), thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp K, xã D, huyện Q, tỉnh G, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 278089 (sổ vào sổ H01056) vào ngày 25/02/2008, cập nhật đăng bộ việc chuyển nhượng vào ngày 29/02/2018 cho ông Nguyễn Vương B, cập nhật đăng bộ việc chuyển nhượng vào ngày 14/6/2018 cho ông Nguyễn Minh Y.

- Buộc ông Nguyễn Minh Y có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị O 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng) trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Minh Y chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì ông Y còn phải trả thêm cho bà O tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị O phải chịu là 42.000.000đồng (bốn mươi hai triệu đồng). Bà O đã nộp 36.000.000đồng (ba mươi sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 18077 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O còn phải nộp thêm 6.000.000đồng (sáu triệu đồng).

Ông Nguyễn Minh Y phải chịu là 42.000.000đồng (bốn mươi hai triệu đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị O không phải chịu. Hoàn lại số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị O theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0012440 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TpHCM
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Tòa án nhân dân Quận T;
- Cục Thi hành án dân sự TpHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Út

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng

Bùi Thị Kim Dung

Phan Thị Út